

Chính sách tiền tệ của Việt Nam năm 2014: thách thức và triển vọng¹

TÔ ÁNH DƯƠNG

Có thể nói, năm 2014 tiếp tục là một năm thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam với các mục tiêu trọng tâm là ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Bám sát các mục tiêu vĩ mô, một số chỉ tiêu tiền tệ năm 2014 cũng được định hướng từ đầu năm, đó là tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%, tín dụng tăng khoảng 12-14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, và tình hình thực tế. Bài viết phân tích những vấn đề nổi bật trong điều hành chính sách tiền tệ năm 2014 và triển vọng 2015.

1. Lạm phát và tỷ giá trong tầm kiểm soát

Năm 2013, mục tiêu kiểm soát lạm phát đã được hoàn thành tốt khi tỷ lệ lạm phát cả năm 2013 chỉ ở mức 6,04%, thấp hơn mức 6,84% của năm 2012. Những diễn biến của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2014 cũng tương tự như năm 2013. Theo Tổng cục Thống kê, trong 8 tháng đầu năm 2014, lạm phát được kiểm soát tốt ở mức thấp với chỉ số giá tiêu dùng tháng 8-2014 tăng 0,22% so với tháng 7-2014, tăng 1,84% so với tháng 12-2014 và tăng 4,31% so với cùng kỳ năm trước. CPI tăng thấp trong thời gian qua do một số nguyên nhân chính sau: (i) nguyên nhân chủ yếu là do sức cầu trong nước phục hồi yếu; (ii) việc điều tiết cung tiền tương đối tốt; và (iii) giá các mặt hàng thiết yếu do Nhà nước quản lý có mức tăng không quá mạnh.

Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng được kiểm soát ở mức thấp hơn so với các năm trước. Năm 2013, tổng phương tiện thanh toán tăng 18,5%, giảm xuống so với mức 22,38% năm 2012.

Mức tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán mục tiêu cả năm 2014 là 16-18%, đến ngày 30-9-2014, tổng phương tiện thanh toán (M2) toàn hệ thống chỉ tăng 10,73% so với cuối năm 2013. Trong khi đó, tín dụng tăng 12,5% năm 2013, mức tăng trưởng tín dụng mục tiêu cả năm 2014 là 12-14%, đến ngày 30-9-2014, tín dụng toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đối với nền kinh tế chỉ tăng 7,26%, thấp hơn rất nhiều so với mức tăng bình quân 35,91%/năm của giai đoạn 2007-2010. Việc kiểm soát chặt chẽ tổng phương tiện thanh toán và tín dụng từ năm 2011 đến nay đã góp phần quan trọng vào thành công đưa lạm phát từ mức cao 18,13% năm 2011 xuống 6,81% năm 2012, tiếp tục xuống mức 6,04% năm 2013, và còn 4,31% vào tháng 8-2014 (xem bảng 1, hình 1).

Tô Ánh Dương, TS, Viện Kinh tế Việt Nam.

1. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số U1.5-2011.12.

BẢNG 1: Diễn biến tăng trưởng, lạm phát, M2 và tín dụng (2010-2014)

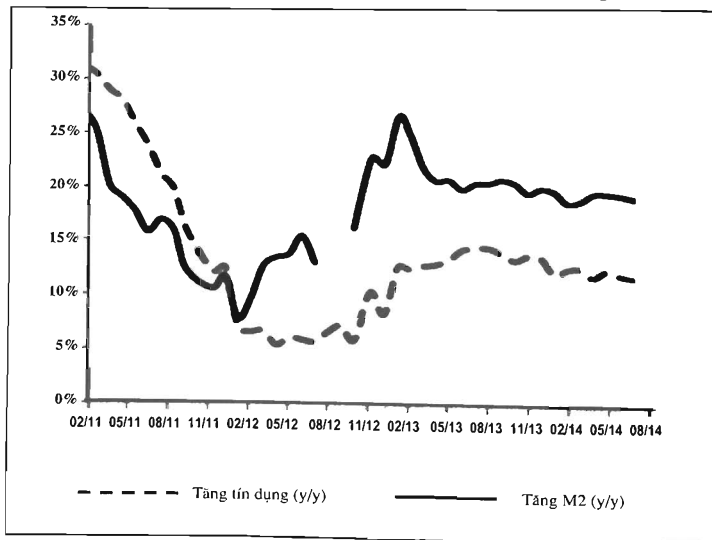
Đơn vị: %

Chỉ tiêu/Năm	2010	2011	2012	2013	Dự kiến 2014	9 tháng 2014
Lạm phát	11,8	18,13	6,81	6,04	7	3,62
Tăng trưởng	6,78	6,24	5,25	5,42	5,8	5,62
M2	33,3	12,5	22,38	18,5	16-18	10,73
Tín dụng	31,19	14,45	8,91	12,5	12-14	7,26

Ghi chú: Số liệu các năm từ 2010 đến 2013 là số thực hiện, số liệu Dự kiến 2014 là mục tiêu đặt ra; số liệu lạm phát và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước; số liệu 9 tháng 2014 của M2 và tín dụng so với cuối năm 2013.

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước.

HÌNH 1: Tăng trưởng tín dụng và M2 (từ tháng 2-2011 đến tháng 8-2014)



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước.

Bên cạnh việc lạm phát được kiểm chế ở mức thấp, sự ổn định của tỷ giá cũng như thị trường ngoại hối cũng là một thành

công đáng ghi nhận, góp phần cho sự ổn định chung của nền kinh tế. Thị trường ngoại hối và tỷ giá khá ổn định trong suốt

9 tháng đầu năm 2014, chỉ riêng trong tháng 5-2014, trước diễn biến tình hình trên biển Đông, tỷ giá, thị trường ngoại hối, và thị trường vàng biến động nhưng chủ yếu do yếu tố tâm lý. Sau đợt điều chỉnh tăng vào cuối quý 2-2014, tỷ giá bình quân liên ngân hàng duy trì ở mức 21.246 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá bán tại nhiều ngân hàng thương mại chủ yếu ở dưới tỷ giá bình quân liên ngân hàng, phổ biến trong khoảng 21.220-21.235 VND/USD. Tình trạng đôla hóa tiếp tục giảm². Đến cuối tháng 6-2014, tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán vào khoảng 11,4%, giảm xuống so với mức 12,4% vào cuối năm 2013.

Sự ổn định của tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối cho thấy những dấu hiệu tích cực về niềm tin đối với đồng VND được xây dựng trên cơ sở sự ổn định của nền kinh tế được đảm bảo đi cùng với những định hướng và chính sách quản lý nhất quán của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Thêm vào đó, diễn biến cung cầu ngoại tệ được đánh giá là cân bằng và ổn định với việc: (i) Việt Nam ghi nhận xuất siêu gần 1,7 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2014; (ii) vốn FDI giải ngân duy trì xu hướng tăng tích cực và đạt 7,9 tỷ USD; (iii) dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục 35 tỷ USD; (iv) thị trường vàng diễn biến tương đối ổn định, NHNN không phải tổ chức đấu thầu vàng miếng, góp phần hạn chế việc sử dụng ngoại tệ của Quỹ Bình ổn tỷ giá và giá vàng để nhập khẩu vàng trên thị trường quốc tế. Diễn biến ổn định của thị trường vàng đã góp phần duy trì sự ổn định của tỷ giá, thị trường ngoại hối, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước và ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong tuần đầu tháng 10-2014, tỷ giá tại các ngân hàng đột nhiên tăng mạnh do tin đồn NHNN có thể điều chỉnh tỷ giá. Giá USD bán ra tại các ngân hàng tăng lên trên 21.300 đồng, tuy nhiên, NHNN đã

khẳng định thời điểm này chưa điều chỉnh tỷ giá.

Về cuối năm, theo yếu tố chu kỳ, cầu ngoại tệ có thể tăng lên để đáp ứng cho các đơn hàng nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất. Tuy nhiên, với kỳ vọng khối doanh nghiệp xuất khẩu dầu thô là các doanh nghiệp FDI vẫn là động lực chính cho sự phục hồi của lĩnh vực sản xuất cũng như tăng trưởng kinh tế, việc nhập siêu mạnh sẽ khó xảy ra mà nhiều khả năng năm 2014 tiếp tục là một năm xuất siêu³. Như vậy, nếu không có những sự kiện bất ngờ xảy ra thì diễn biến cung cầu ngoại tệ vẫn cân bằng và trong tầm kiểm soát cũng như điều tiết của NHNN.

Thanh khoản VND của toàn hệ thống ngân hàng dồi dào, rủi ro thanh khoản thấp, hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD) và thị trường tiền tệ ổn định, thể hiện qua: (i) tỷ lệ tín dụng/huy động vốn bằng VND tiếp tục giảm từ mức 92,5% cuối năm 2013 xuống còn 87,4% (cuối tháng 6-2014) do tín dụng tăng chậm hơn so với huy động vốn; (ii) các tài sản có tính thanh khoản cao đến cuối tháng 5-2014 tăng 24,15% so với cuối năm 2013, cao gần gấp 3 lần tốc độ tăng trong cả năm 2013, cho thấy dự trữ thanh khoản của hệ thống ngân hàng không ngừng được nâng lên nhờ nguồn vốn huy động dồi dào và việc gia tăng đầu tư vào trái phiếu chính phủ⁴, tín

2. Từ cuối năm 2011, tỷ lệ đôla hóa giảm từ mức 15,8% xuống còn 12,36% cuối năm 2012, ở mức 12,4% vào cuối năm 2013 và còn 11,4% vào 6 tháng đầu năm 2014.

3. Cán cân thương mại, cán cân vãng lai và cán cân tổng thể của Việt Nam năm 2012, năm 2013 đều thặng dư. (Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, Cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam năm 2012, 2013).

4. Đến cuối tháng 8-2014, đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ của các ngân hàng tăng 21,56% so với cuối năm 2013.

phiếu NHNN. Số tiền gửi của các TCTD tại NHNN thường xuyên vượt yêu cầu dự trữ bắt buộc để dự trữ thanh khoản và tăng trưởng tín dụng; (iii) trong điều kiện vốn khả dụng của các TCTD dư thừa, việc phát hành tín phiếu NHNN được thực hiện với khối lượng kỳ hạn, lãi suất và thời điểm hợp lý giúp cho việc kiểm soát tiền tệ theo mục tiêu lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá, đồng thời tạo điều kiện để Bộ Tài chính phát hành một khối lượng lớn tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, qua đó tăng thanh khoản cho nền kinh tế. Lượng trái phiếu chính phủ các loại do các TCTD nắm giữ gia tăng, giúp ngân sách nhà nước có nguồn vốn giải ngân cho các chương trình, dự án, từ đó giúp các doanh nghiệp có khả năng chi trả, tiêu thụ bất hàng tồn kho, qua đó tác động khơi thông dòng tiền trong nền kinh tế; mặt khác cũng tạo công cụ cho các TCTD để có thể tiếp cận vốn của NHNN khi gặp khó khăn. Kể từ đầu năm 2014 đến 2 tuần đầu tháng 9, Kho bạc Nhà nước đã huy động được gần 165.170 tỷ đồng trái phiếu chính phủ. Kho bạc Nhà nước đã cập nhật kế hoạch phát hành mới với tổng lượng trái phiếu cần phát hành trong năm 2014 lên đến 232.000 tỷ đồng, tăng 22.000 tỷ đồng so với kế hoạch ban đầu. Cơ cấu phát hành nghiêng hẳn về trái phiếu trung và dài hạn. Tăng trưởng tín dụng thấp, bế tắc dần ra khiến các ngân hàng phải tìm đến kênh đầu tư trái phiếu chính phủ, tín phiếu NHNN. Trong 6 tháng đầu năm 2014, các ngân hàng dành từ 87% - 90% dòng tiền của mình để đầu tư cho trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc. Vì vậy, việc phát hành trái phiếu chính phủ khá thuận lợi và vẫn được kỳ vọng là kênh đầu tư an toàn và tương đối hấp dẫn đối với các TCTD trong trung và dài hạn, cho dù lợi suất trái phiếu tiếp tục có xu hướng giảm xuống. Một điểm đáng lưu ý là trong điều kiện thâm hụt ngân sách được mở rộng lên 5,3% GDP và khối

lượng trái phiếu chính phủ tăng lên, việc điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động của ngân hàng sẽ chịu nhiều áp lực. Việc tăng cường nắm giữ trái phiếu chính phủ giúp cho các TCTD tăng dự trữ thanh khoản nhưng cũng có thể phát sinh khó khăn nếu các TCTD không chủ động trong việc cân đối vốn theo kỳ hạn hợp lý; (iv) thanh khoản cải thiện nên nhu cầu vay vốn trên liên ngân hàng để cân đối vốn không cao, do vậy không tạo sức ép tăng lãi suất liên ngân hàng như thời gian trước đây. Lãi suất liên ngân hàng ổn định ở mức thấp. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ ổn định các mức lãi suất điều hành, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của các TCTD đối với 5 lĩnh vực ưu tiên, lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND và USD của các tổ chức, cá nhân tại TCTD, đồng thời, tiếp tục yêu cầu các TCTD giảm lãi suất cho vay, kể cả các khoản cho vay cũ. Đến tháng 9-2014, lãi suất cho vay của các khoản vay mới phổ biến ở mức 7-8%/năm đối với các lĩnh vực ưu tiên, 9-12%/năm đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác.

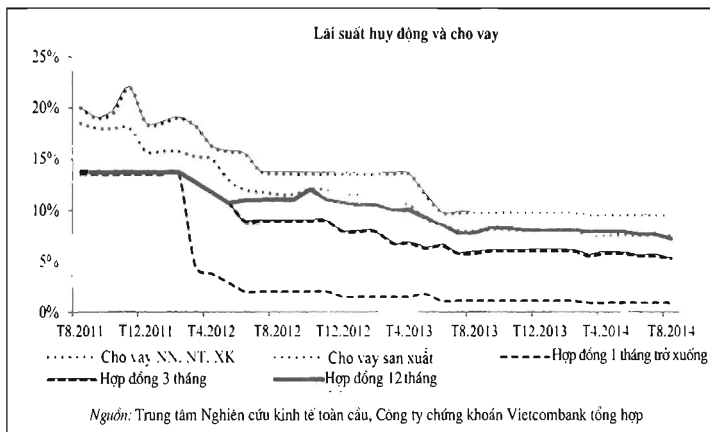
2. Tin dụng tăng trưởng chậm nhưng phân bổ hợp lý hơn và an toàn hơn

Từ năm 2012 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã thay đổi hướng kiểm soát tăng trưởng tín dụng theo nhóm ngân hàng, trong đó xem xét tăng mức tăng trưởng tín dụng cho các TCTD có khả năng tăng trưởng cao hơn nhưng vẫn đảm bảo an toàn hoạt động, và ngược lại, điều chỉnh giảm mức tăng trưởng đối với các TCTD yếu kém nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện tái cơ cấu hệ thống TCTD. Tăng trưởng tín dụng hợp lý và an toàn hơn, tập trung dòng vốn tín dụng vào khu vực sản xuất thực của nền kinh tế, đặc biệt là vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp

ứng dụng công nghệ cao. Tính đến tháng 11-2013, tín dụng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng khoảng 17% (năm 2012: 8%); tín dụng đối với công nghiệp hỗ trợ

tăng 10,84%; tín dụng cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 24,51%, và tín dụng xuất khẩu tăng 3,32%⁵ so với cuối năm 2012.

HÌNH 2: Lãi suất huy động và cho vay (từ tháng 8-2011 đến tháng 8-2014)



Cũng như năm 2013, trong năm 2014, bên cạnh mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát, Chính phủ ưu tiên tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Theo đó, chính sách tiền tệ tiếp tục được nới lỏng với chỉ tiêu điều hành định hướng là tín dụng tăng khoảng 12-14%. Tính đến ngày 30-9-2014, tín dụng toàn hệ thống các TCTD đối với nền kinh tế tăng 7,26% so với cuối năm 2013⁶. Mức tăng trưởng tín dụng như vậy là thấp so với kỳ vọng, tuy nhiên, có thể diễn biến tăng trưởng tín dụng lại như năm 2013, khi mà tín dụng đã gia tốc mạnh mẽ trong những tháng cuối năm và kết thúc năm 2013 với mức tăng trưởng 12,51% so với cùng kỳ năm trước, vượt mục tiêu 12% của NHNN.

Năm 2014, một điểm đáng ghi nhận là đã triển khai chính sách tín dụng đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù để mở rộng tín dụng có hiệu quả, cơ cấu tín dụng được chuyển dịch theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, góp phần bảo đảm an sinh - xã hội như: (i) triển khai thí điểm các chương trình, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp như mô hình cánh đồng mẫu lớn, mô hình chuỗi sản xuất liên kết các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa người sản xuất - chế biến - tiêu thụ theo hợp đồng...; (ii) cho vay tạm trữ lúa gạo vụ Đông - Xuân 2013-2014, tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra,...

5. 6. Nguồn: Ngân hàng Nhà nước.

Theo NHNN, ước đến cuối tháng 6-2014, tín dụng xuất khẩu tăng 10%, công nghiệp hỗ trợ tăng 13%, doanh nghiệp nhỏ và vừa

tăng 2% so với cuối năm 2013; đến cuối tháng 5-2014, tín dụng nông nghiệp, nông thôn ước tăng khoảng 2,56% so với cuối năm 2013.

BẢNG 2: Tăng trưởng dư nợ tín dụng các lĩnh vực ưu tiên

Chênh lệch tương đối so với cuối năm	Tháng 12-2012	Tháng 11-2013	Tháng 8-2014
Lĩnh vực xuất khẩu	14%	3,32%	4,37%
Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	8%	17%	6,1%
Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ		10,84	6,12%
Doanh nghiệp công nghệ cao		24,51	12,73%
Doanh nghiệp nhỏ và vừa	6,15%		2,57%

Ghi chú: Mức tăng % so với cuối năm trước.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước.

Nhìn chung, năm 2014, tín dụng tăng chậm chủ yếu do sức hấp thụ vốn của nền kinh tế vẫn còn yếu bất nguồn từ tình trạng nợ đọng ngân sách, nợ giữa doanh nghiệp và ngân hàng, vướng mắc trong xử lý tài sản đảm bảo chưa được xử lý dứt điểm, đầu ra cho sản phẩm của doanh nghiệp còn khó khăn, nhiều doanh nghiệp không đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn (do tình hình tài chính yếu kém, không chứng minh được tính khả thi của dự án, báo cáo tài chính của doanh nghiệp không rõ ràng, minh bạch, hầu hết các tài sản đã được thế chấp để bảo đảm cho các nghĩa vụ của các khoản vay cũ và đến nay chưa trả được nợ, nên không còn tài sản để bảo đảm cho khoản vay mới, nhiều doanh nghiệp không trả được nợ do nguyên nhân nợ đọng ngân sách) trong khi cơ chế bảo lãnh cho doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa)⁷ vay vốn chưa được đẩy mạnh.

3. Kết quả xử lý nợ xấu còn khiêm tốn

Một nguyên nhân chủ yếu làm cho dòng vốn tín dụng không được khơi thông là do nợ xấu không được giải quyết một cách căn bản. Điểm đáng chú ý là vào cuối năm 2013, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng giảm còn 3,79% (tổng nợ xấu trong hệ thống khoảng trên 130 nghìn tỷ đồng)⁸

từ mức 4,3%-4,6% trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2013. Con số nợ xấu 3,79% vào cuối năm 2013 được tính toán sau khi có trên 300 nghìn tỷ đồng nợ đã được cơ cấu lại trong năm 2013 và khoảng gần 40 nghìn tỷ đồng nợ xấu được mua bởi Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Ngày 18-3-2014, NHNN ban hành Thông tư số 09/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN trong đó bổ sung quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ áp dụng kể từ ngày 20-3-2014 và hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-4-2015. Nhờ đó, các TCTD vẫn tiếp tục được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, góp phần kiểm chế nợ xấu gia tăng, hỗ trợ khách hàng vay được tiếp cận vay vốn bình thường với mặt bằng lãi suất hành hành trên thị trường, không chịu lãi phạt quá hạn, từ đó giảm bớt gánh nặng tài chính và hỗ trợ sản xuất

7. Ví dụ, Quỹ Bảo lãnh doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa triển khai được nhiều các khoản cho vay do những “điểm nghẽn” trong quy định.

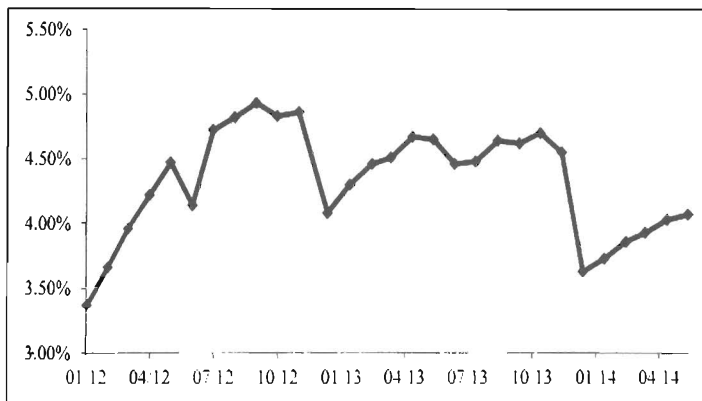
8. Nguồn: Công ty Chứng khoán Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCBS).

kinh doanh cho khách hàng vay. Tuy nhiên, những quy định trong Thông tư số 09 về cơ cấu lại nợ và giữ nguyên nhóm nợ có nhiều điểm chặt chẽ hơn so với Quyết định 780⁹, đặc biệt mỗi khoản nợ chỉ được cơ cấu lại một lần nhằm tránh hiện tượng TCTD lợi dụng việc cơ cấu nợ để che dấu nợ xấu.

Thống đốc NHNN cho biết, đến cuối tháng 7-2014 tổng nợ xấu nội bảng khoảng 162 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,11%

trên tổng dư nợ, tăng so với 3,61% tại cuối 2013. Nợ xấu của hệ thống ngân hàng có xu hướng tăng trong các tháng đầu năm 2014 do tình hình kinh tế vĩ mô chưa có nhiều cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn, các tổ chức tín dụng áp dụng chuẩn mực mới về phân loại nợ chặt chẽ hơn để phản ánh chính xác hơn chất lượng tín dụng và thực trạng nợ xấu, từ đó thúc đẩy việc xử lý nợ xấu.

HÌNH 3: Nợ xấu (từ tháng 1-2012 đến tháng 4-2014)



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, Công ty Chứng khoán Vietcombank tổng hợp.

4. Hoạt động của Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam

Đến cuối tháng 8-2014, VAMC đã mua được 3.281 khoản nợ, với tổng dư nợ gốc hơn 56 ngàn tỷ đồng nợ xấu, giá mua hơn 46 ngàn tỷ đồng. Hiện nay, VAMC đang tiếp tục thực hiện rà soát, phân loại các khoản nợ đã mua để có biện pháp xử lý phù hợp theo quy định của pháp luật. Tính đến cuối tháng 8-2014, VAMC đã thu hồi được 1.462 tỷ đồng nợ xấu, thực hiện điều

chỉnh lãi suất cho 4 khách hàng với tổng dư nợ được điều chỉnh lãi suất là 226 tỷ đồng; miễn, giảm lãi/phí cho 16 khách hàng với tổng số tiền miễn, giảm là 60,91 tỷ đồng; cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 11

9. Quyết định 780 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ đã cho phép cơ cấu nợ nhiều lần, nên một số khách hàng được ngân hàng thực hiện cơ cấu nợ lại. Khắc phục tình trạng này, Thông tư 09 đã quy định chỉ được phép cơ cấu nợ 1 lần, giúp bức tranh nợ xấu minh bạch hơn.

khách hàng với dư nợ gốc được cơ cấu là 446 tỷ đồng.

Có thể nói, mô hình VAMC bước đầu phát huy hiệu quả tích cực trong việc kiểm chế và xử lý nợ xấu trong thời gian qua trong điều kiện thị trường khó khăn, thể chế nhiều bất cập và không có sự hỗ trợ tài chính từ Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, so với yêu cầu về tốc độ và thời gian thì việc xử lý nợ xấu cần nhanh hơn, quyết liệt hơn nhằm khơi thông dòng tín dụng trong nền kinh tế.

Trong thời gian tới, để dòng chảy tín dụng thông suốt trong nền kinh tế cũng như đảm bảo chất lượng tín dụng, cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp chính sách vĩ mô để tháo gỡ những nút thắt quan trọng như cần đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu các ngân hàng thương mại, xử lý nợ

xấu triệt để hơn, tăng tổng cầu, hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra của doanh nghiệp, giải quyết nợ đọng của ngân sách, xử lý các vướng mắc liên quan đến tài sản bảo đảm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông cáo báo chí Kết quả hoạt động ngân hàng năm 2013, định hướng nhiệm vụ năm 2014.
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông cáo báo chí Kết quả hoạt động ngân hàng 8 tháng đầu năm 2014.
3. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên của các ngân hàng thương mại.
4. Báo cáo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại phiên chất vấn của Quốc hội ngày 29-9-2014.
5. Website: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.